**Danh mục làng bảo tồn không gian làng mức độ 2**

***1. Thành phố Bắc Ninh (15 làng)***

**Phường Vũ Ninh**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 01 | Khu Cô Mễ  (Làng Cô Mễ) | Làng nội thị; làng ven sông, làng quan họ; làng ven núi | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình Cô Mễ, thủy đình; chùa (Cổ Mễ Tự), 3 pho tượng thời nhà Mạc trong chùa; Đền Bà Chúa Kho; Bảo tồn, tôn tạo hệ thống ao hồ trong làng, hồ Đồng Trầm, bảo tồn không gian ở thấp tầng quanh núi Kho; Bảo tồn cảnh quan núi Kho, cảnh quan ven đê sông Cầu; Phát huy khai thác lễ hội Bà Chúa Kho; Đề xuất quy hoạch không gian xanh bao quanh làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ. | Mức 2 |

**Phường Võ Cường**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 02 | Khu Xuân Ổ  (Làng Ó) | Làng nội thị; làng nghề; làng quan họ | Bảo tồn một phần hình thái làng; Bảo tồn Cụm di tích Xuân Ổ A: đình, chùaXuân Ổ (Hồng Phúc tự), đềnXuân ổ (Đền Thượng), nghèXuân Ổ (Nghè Tả); Bảo tồn cụm di tích Xuân Ổ B: Đình Xuân Ổ B, Chùa Lái (Nương Xá tự), Di tích khảo cổ học chùa Lái; Đề xuất khôi phục sông Tiêu Tương; Quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng ở phía nam, đông nam (giáp khu làng Đại học). Khôi phục nghề trồng rau, trồng hoa; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 2 |

**Phường Vạn An**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 03 | Khu Thượng Đồng  (Làng Lẫm) | Làng nội thị; làng ven sông; làng quan họ; làng quan họ | Bảo tồn một phần hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình Thượng Đồng, chùa Lẫm (Nguyên Thiền Tự), đền Vua Bà (Bà Chúa Lẫm); Bảo tồn, tôn tạo Hệ thống hồ nước dọc làng; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Ngũ Huyện Khê, núi Lẫm; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ. | Mức 2 |

**Phường Phong Khê**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 04 | Làng Ngô Khê | Làng nội thị; làng ven sông; | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc nhà thờ Ngô Khê; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan hai bên sông Ngũ Huyện Khê; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |

**Xã Hòa Long**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 05 | Làng Quả Cảm  (Cởm) | Làng ven thị; làng ven sông;  Làng ven đồi | Bảo tồn hình thái làng; công trình kiến trúc đình Quả Cảm, chùa Quả Cảm (Kim Sơn tự), Đền Vua Bà, lăng Vua Bà; Bảo tồn hệ thống hồ trước cửa đình; Bảo tồn di tích khảo cổ lò gốm cổ (Truyền thuyết Bà chúa Sành); Bảo tồn, quảng bá văn hóa ẩm thực (đặc sản bánh Khúc); Cải tạo chỉnh trang cảnh quan hai bên sông Ngũ Huyện Khê, sông Cầu, núi Tượng, núi Kim Sơn; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 2 |

**Phường Khắc Niệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 06 | Khu Đoài  (Ném Đoài) | Làng nội thị; làng quan họ | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc chùaCổ Niệm, đền thờ Nguyễn Thủ Tiệp; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ, văn hóa hát Chèo (phường Chèo của làng); Bảo tồn không gian mặt nước phía nam làng, canh quan dọc kênh Nam; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |
| 07 | Khu Mồ  (Ném Mồ- Quế Sơn) | Làng ven thị; ven núi; làng nghề | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình làng Mồ, chùa làng Mồ (Quế Sơn tự), miếu làng Mồ; Tôn tạo cảnh quan, cây xanh núi Mồ, không gian mặt nước phía nam làng; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng; Bảo tồn phát huy làng nghề sản xuất bún | Mức 2 |

**Phường Vân Dương**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 08 | Khu Hai Vân  (Thôn Hai Vân) | Làng nội thị; thuần nông; làng đồng bằng | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Hai Vân, chùa Hai Vân; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan hai bên sông Tào Khê; | Mức 3 |

**Phường Hạp Lĩnh**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 09 | Khu Trần  (Thôn Trần) | Làng nội thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa (Hồng Lô tự), đền, miếu; Bảo tồn, tôn tạo không gian cây xanh hồ nước phía bắc và phía đông nam làng; Bảo tồn cảnh quan núi So; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |

**Xã Nam Sơn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 10 | Làng Tự Thôn | Làng ven thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc chùa Dạm (Đại Lãm tự); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, rừng cây núi Dạm; không gian cây xanh, măt nước phía nam làng; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan dọc ngòi Con Tên, kênh Nam; Đề nghị xây dựng nhà ở thấp tầng khu vực ven núi; Đề xuất quy hoạch vùng đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |
| 11 | Làng Sơn Trung | Làng ven thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc chùa Sơn Trung; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, rừng cây núi Dạm, núi Chùa; Bảo tồn, tôn tạo không gian măt nước, vườn cây phía nam làng, kênh Nam; Đề nghị xây dựng nhà ở thấp tầng khu vực ven núi; Đề xuất quy hoạch vùng đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |
| 12 | Làng Sơn Đông | Làng ven thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồncông trình kiến trúc chùa Bảo Quang (chùa Bách Tháp); Tôn tạo cảnh quan, rừng cây núi Sơn Đông; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước quanh làng, dọc kênh Nam; Đề nghị xây dựng nhà ở thấp tầng khu vực ven núi; Đề xuất quy hoạch vùng đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |
| 13 | Làng Thái Bảo | Làng ven thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồncông trình kiến trúc đình, chùa Thái Bảo, Chùa Hàm Long; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, rừng cây núi Dạm; Đề nghị xây dựng nhà ở thấp tầng khu vực ven núi; | Mức 2 |
| 14 | Làng Triều Thôn | Làng ven thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình Triều Thôn, chùa (Kim Cương tự); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan núi Dạm; không gian cây xanh, măt nước phía tây làng; Đề nghị xây dựng nhà ở thấp tầng khu vực ven núi; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |

**Xã Kim Chân**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 15 | Làng Ngọc đôi | Làng ven thị; làng ven sông;  đồng bằng; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình Ngọc đôi, chùa Ngọc đôi; Bảo tồn không gian mặt nước trong làng, quanh làng; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan sông Tào Khê, sông Cầu; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |

***2. Huyện Tiên Du (20 làng)***

**Xã Nội Duệ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** |  |
| 01 | Làng Duệ Khánh | Làng ven thị; làng đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Duệ Khánh, chùa Duệ Khánh (Cổ Châu tự), nghè làng; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan di tích sông Tiêu Tương; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

**Xã Phú Lâm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 02 | Làng Giới Tế  (Rừng Mành) | Làng ven thị; đồng bằng; làng nghề | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Giới Tế, chùa (Khánh Lâm tự); Bảo tốn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Bảo tồn nghề trồng hoa, cây cảnh (mới), nghề đan, dệt mành tre, trúc (lịch sử gần 1000 năm); Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |
| 03 | Làng Ân Phú | Làng ven thị; ven sông; làng đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Ân Phú, chùa Ân Phú (Quảng Phúc tự), giềng làng; Bảo tốn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh trước cổng đình; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |
| 04 | Làng Đông Phù  (Trại Phù) | Làng ven thị; đồng bằng; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc chùa Làng Đông Phù (chùa Hưng Phúc), nghè làng Đông Phù; Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức2 |

**Xã Liên Bão**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 05 | Làng Dọc (Quảng Dộc) | Làng ven thị; làng đồng bằng; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa, cổng làng; Bảo tồn, tôn tạo không mặt nước, cây xanh cảnh quan kênh Nam; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |

**Xã Lạc Vệ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 06 | Làng An Động | Làng ven thị; thuần nông; đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình An Động, chùa làng An Động; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan ngòi Con Tên; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

**Xã Hiên Vân**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 07 | Ngang Nội | Làng nội thị; ven núi; thuần nông;  làng quan họ | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Ngang Nội, chùa Ngang Nội (Hồng Phúc tự), nghè; Bảo tồn, tôn tạo không mặt nước, cây xanh cảnh quan, đồi rừng; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Bảo tồn phát huy văn hóa ẩm thực: rượu Ngang Nội (Danh Tửu), rau muống “Tấn Cung”; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 3 |
| 08 | Vân Khám (Vân Khám Lai Đình) | Làng ven thị; ven núi;  làng quan họ;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Vân Khám, chùa Vân Khám (Linh Ứng tự), Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan, đồi rừng; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |
| 09 | Làng Nguyễn | Làng ven thị; ven núi;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Nguyễn, chùa làng Nguyễn (Minh Tân tự), Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan đồi rừng; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

**Xã Việt Đoàn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 10 | Làng Long Văn | Làng ven thị; thuần nông;  ven núi | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Long Văn, chùa (Long Vân tự); Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan, đồi rừng; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |
| 11 | Làng Đông Sơn | Làng ven thị; thuần nông;  ven núi | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Chân Khai tự); Bảo tồn không gian mặt nước quanh làng, bảo tồn cây xanh, rừng cây núi Đông Sơn; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

**Xã Phật Tích**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 12 | Làng Vĩnh Phú | Làng ven thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Linh Quang tự) đền thờ Nguyên Phi Ỷ Lan; Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan, đồi Mâm Xôi; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |
| 13 | Làng Phúc Nghiêm | Làng ven thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Phúc Nghiêm (Trùng Quang), chùa (Linh Quang tự), nghè; Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan, rừng cây núi Phượng Hoàng; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |
| 14 | Làng Cổ Miếu | Làng ven thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa Kim Ngưu, chùa Cổ Linh (chùa Sư Cụ), lăng Vua Bà; Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan, đồi rừng; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

**Xã Tân Chi**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 15 | Làng Chi Trung | Làng ven thị; làng ven sông; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; các công trình kiến trúc đình Chi Trung, chùa (Giáo Đường tự); Bảo tồn không gian, mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Đuống; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |

**Xã Minh Đạo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 16 | Làng Nghĩa Chỉ | Làng ven thị; làng ven sông; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Nghĩa Chỉ, chùa (Phúc Điền tự), nghè; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Đuống; Đề chuyển khu dân cư xây ngoài đê vào trong đồng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |

**Xã Cảnh Hưng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** |  |
| 17 | Làng Thượng | Làng ven thị, làng ven sông, thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Tân Phúc tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Đuống; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |

**Xã Tri Phương**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 18 | Làng Cao Đình | Làng ven thị; làng ven sông; thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Cao Đình, chùa (Diên Phúc tự), Từ đường Tộc Trịnh; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Đuống; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |

**Xã Đại Đồng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 19 | Làng Đại Vi | Làng ven thị; làng nghề; làng ven sông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Đại Vi, chùa (Lôi Quang tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Tào Khê; Bảo tồn, nâng cấp chợ Đại Vi; Bảo tồn nghề trạm khắc, lắp dựng nhà ngỗ cổ truyền; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |

**Xã Hoàn Sơn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 20 | Làng Núi Đông | Làng ven thị, làng ven núi, thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Núi Đông, chùa, đền, mặt nước, cây xanh cảnh quan núi Chè; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng, | Mức 2 |

***1c.3. Thị xã Từ Sơn (13 làng).***

**Xã Tam Sơn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 01 | Làng Dương Sơn | Làng ngoại thị, làng khoa bảng, làng nghề, | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Dương Sơn, chùa Dương Sơn (Sùng Khánh tự), đền Tự; Bảo tồn, tôn tạo không gian công cộng, mặt nước, cây xanh; Bảo tồn nghề trạm khắc gỗ; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ, Khoa bảng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |
| 02 | Làng Phúc Tinh | Làng ngoại thị, khoa bảng, làng nghề, đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Phúc Tinh, chùa Phúc Tinh (Diên Phúc tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Bảo tồn nghề nghề trạm khắc gỗ; Bảo tồn văn hóa Khoa bảng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

**Xã Hương Mạc**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 03 | Làng Mai Động | Làng ngoại thị, làng nghề, làng ven sông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Mai Động, chùa Mai Động (Đại Bi tự), từ đường họ Nguyễn Hữu; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan ven sông; Bảo tồn nghề nghề trạm khắc gỗ; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |

**Xã Phù Khê**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 04 | Làng Tiến Bào | Làng ngoại thị, làng nghề, làng ven sông, đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Tiến Bào, chùa làng Tiến Bào (Liên Bào tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan ven song Ngũ Huyện Khê; Bảo tồn nghề nghề trạm khắc gỗ; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | Mức 2 |

**Phường Trang Hạ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** |  |
| 05 | Làng Trang Liệt (Sặt Đồng) | Làng nội thị, làng văn hóa cổ, ven sông, đồng bằng | Bảo tồn một phần hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Trang Liệt, chùa Trang Liệt (Đông Lai tự), đền Trang Liệt; Bảo tồn cổng làng, các nhà thờ họ, nhà cổ; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan mặt nước, hồ sen, cảnh quan sông Ngũ Huyện Khê; Bảo tồn 05 cây di sản Việt Nam, giếng làng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh phía tây, phía nam làng. | Mức 2 |
| 06 | Làng Bính Hạ | Làng nội thị, đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Bính Hạ, chùa Bính Hạ (Linh Cảm tự), đền Bính Hạ; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

**Xã Tương Giang**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 07 | Làng Tiêu Long | Làng ngoại thị, ven sông, đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa làng Tiêu Long, giếng làng; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |
| 08 | Làng Hưng Phúc (Tiêu Dút) | Làng ngoại thị, ven sông. làng đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, đền, chùa làng Hưng Phúc (Hưng Phúc tự), từ đường họ Nguyễn; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |
| 09 | Làng Tiêu Sơn  (Nghiêm Xá-Tiêu Niềm) | Làng ngoại thị, ven sông, làng quan họ, đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Tiêu Sơn, chùa Tiêu Sơn (Thiên Tâm tự); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 2 |

**Phường Đồng Nguyên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 10 | Làng Cẩm Giang | Làng nội thị, cảnh quan, đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Cẩm Giang, chùa làng Cẩm Giang (Bảo Khánh tự), đền thờ và mộ tiến sỹ Nguyễn Ngô Chung, nhà cụ Tú Ba; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

**Phường Tân Hồng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 11 | Làng Nội Trì | Làng nội thị, ven sông, đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình và không gian công cộng đình, chùa làng Nội Trì (Hưng Phúc tự); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

**Xã Phù Chẩn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 12 | Làng Roi Sóc | Làng ngoại thị; làng đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Roi Sóc, đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |
| 13 | Làng Phù Lộc (làng Lọc) | Làng ngoại thị; làng đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Phù Lộc, chùa làng Phù Lộc (Thiên Khánh tự); Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. | Mức 2 |

***4. Huyện Quế Võ (8 làng)***

**Xã Chi Lăng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 01 | Làng Mão  ( Tỏi Mão) | Làng nội thị;  làng ven sông;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa; Bảo tồn, tôn tạo hệ thống hồ nước; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |
| 02 | Làng Mai  (Tỏi Mai) | Làng ven thị;  làng ven sông;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình làng Mai; Bảo tồn, tôn tạo hệ thống hồ nước; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |
| 03 | Làng Đồng  (Tỏi Đồng) | Làng ven thị;  làng ven sông;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa làng Đồng; Bảo tồn, tôn tạo hệ thống hồ nước, cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |
| 04 | Làng Đô Đàn | Làng ven thị;làng ven sông;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình Đô Đàn, chùa (Sùng Ngâm tự); Bảo tồn hệ thống cây xanh hồ nước, cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |
| 05 | Làng Tập Ninh | Làng ven thị;làng ven sông;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình Tập Ninh; Bảo tồn hệ thống cây xanh, hồ nước, cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng. | Mức 2 |
| 06 | Làng Đức Tái | Làng ven thị;làng ven sông;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc chùa Đức Tái; Bảo tồn không gian mặt nước, cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng. | Mức 2 |

**Xã Hán Quảng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 07 | Quảng Lãm | Làng nội thị;  Làng ven sông;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình Quảng Lãm, chùa Quảng Lãm (Linh Quang tự); Bảo tồn hệ thống hồ nước, cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |

**Xã Yên Giả**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 08 | Làng La Miệt | Làng ven thị;  Làng đồng bằng;  thuần nông | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa La Miệt, nhà thờ họ Nguyễn Bỉnh; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, hồ nước, cây xanh; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 2 |

**- Tổng số làng cần bảo tồn hình thái làng (Mức độ 2): *56 làng/194 làng (28,9%)***

+ Thành phố Bắc Ninh:15 làng/72 làng (chiếm 20,8%)

+ Huyện Tiên Du: 20 làng/64 làng (chiếm 31,3%)

+ Thị xã Từ Sơn: 13 làng/43 làng (chiếm 30,2%)

+ Huyện Quế Võ: 08 làng/15 làng (chiếm 53,3%)